

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 30/5/2019

“V/v ly hôn và nuôi con ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG-TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông **Lư Quốc Thịnh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông **Nguyễn Hoàng Hồ**.

2- Bà **Nguyễn Thị Hồng Thắm**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Út Sang**, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang:
Thuộc trường hợp không tham gia phiên tòa

Ngày 30 tháng 5 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 07/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2019 về việc: “Ly hôn, yêu cầu nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2019/QĐXX-ST ngày 25 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2019/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1- *Nguyên đơn:* Chị **Lưu Thị S**, sinh năm 1980. (Có mặt)

2- *Bị đơn:* Anh **Trần Ngọc M**, sinh năm 1976. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện U, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 07/12/2017 nguyên đơn chị Lưu Thị S trình bày và yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Chị và anh Trần Ngọc M cưới nhau vào năm 1997, gia đình hai bên có làm đám cưới theo phong tục tập quán ở địa phương nhưng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2002 thì vợ chồng mới đăng ký kết hôn với tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện A (nay là huyện U Minh Thượng), tỉnh Kiên Giang. Vợ chồng chung sống được 17 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến thường xuyên cự cãi với nhau và từ đó vợ chồng đã ly

thân với nhau khoảng 5 - 6 năm nay. Chị xét thấy tình cảm của vợ chồng không còn nữa nên chị yêu cầu xin được ly hôn với anh Trần Ngọc M.

Về con chung: Có 02 đứa con tên Trần Kim N, sinh ngày 10/10/1998 và con tên Trần Ngân K, sinh ngày 28/7/2009, hiện nay các cháu đang sinh sống cùng với gia đình, cháu N đã đi làm còn cháu K hiện đang đi học.

Khi ly hôn, đối với cháu N đã trưởng thành nên không yêu cầu xem xét; cháu K ở với ai thì người đó nuôi dưỡng, người không trực tiếp nuôi con không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị S trình bày là để vợ chồng tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Chị S trình bày là không có nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Đối với bị đơn anh Trần Ngọc M Tòa án đã tổng đạt hợp lệ gồm: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh M vẫn vắng mặt, không có lý kiến gì.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Lưu Thị S vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày và anh Trần Ngọc M vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn, nuôi con và bị đơn có nơi cư trú trên địa giới hành chính huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28 điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với anh Trần Ngọc M được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với anh Trần Ngọc M.

[3] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Chị Lưu Thị S và anh Trần Ngọc M có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện A(nay là huyện U Minh Thượng), tỉnh Kiên Giang. Theo giấy chứng nhận kết hôn số: 876 do Chị Scung cấp nên hôn nhân của chị S và anh M là hợp pháp.

Về mâu thuẫn, sau thời gian vợ chồng chung sống được khoảng 17 năm thì vợ chồng xảy ra bất đồng quan điểm, thường hay cự cãi với nhau và từ đó hạnh phúc gia

đình không còn nữa nên vợ chồng đã ly thân cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng thông báo cho anh M biết việc chị S yêu cầu xin ly hôn với anh, anh M trực tiếp nhận nhưng anh không có ý kiến gì cũng như không đến tham gia giải quyết vụ án để thể hiện ý kiến là còn thương vợ con mình cũng như là hàn gắn tình cảm với nhau để vợ chồng đoàn tụ chung sống chăm lo cho con. Qua biên bản xác minh ở địa phương cho thấy rằng tình cảm vợ chồng của chị S và anh M thường xuyên xảy ra cãi vã với nhau, đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc.

Từ đó, xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị S xử cho Chị Lưu Thị S và anh Trần Ngọc M ly hôn là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về con chung: Chị S trình bày vợ chồng có 02 đứa con tên Trần Kim N, sinh ngày 10/10/1998 và con tên Trần Ngân K, sinh ngày 28/7/2009, hiện nay các cháu đang sinh sống cùng với gia đình, cháu N đã đi làm còn cháu K hiện đang con sống chung với gia đình và đi học.

Khi ly hôn, đối với cháu N đã trưởng thành nên không yêu cầu xem xét; cháu K ở với ai thì người đó nuôi dưỡng, người không trực tiếp nuôi con không phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu của Sa, HĐXX thấy rằng đối con chung tên là Trần Kim N hiện nay đã trưởng thành có cuộc sống riêng và tự lập nên HĐXX không đề cập xem xét. Đối với cháu Trần Ngân K hiện nay còn đang đi học và nguyện vọng của cháu là được ở với mẹ khi cha mẹ không còn chung sống với nhau, chị S xác định nếu cháu ở với chị thì có đủ điều kiện để nuôi dưỡng chăm sóc cho cháu Khánh. Vì vậy, nghĩ cần nên giao cháu Trần Ngân K cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng theo nguyện vọng của cháu và phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chị S không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không đề cập xem xét.

Anh M có quyền tới lui chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở anh thực hiện quyền này.

Về tài sản và nợ chung: Chị S xác định là về tài sản chung để vợ chồng tự thỏa thuận với nhau và về nợ thì không có, tuy nhiên trong suốt quá trình giải quyết vụ án anh Trần Văn Mung không có ý kiến về việc này nên HĐXX ghi nhận ý kiến trình bày của chị S và không đề cập xem xét. Trong trường hợp, sau khi ly hôn có phát sinh

tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Buộc chị Lưu Thị S phải chịu 300.000đ. Nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo lai thu số 0000780, ngày 14/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Lưu Thị S và anh Trần Ngọc M được ly hôn với nhau.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Ngân K, sinh ngày 28/7/2009 cho chị Lưu Thị S chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Trần Ngọc M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh M có quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cản. Khi cần thiết chị S và anh M có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản và nợ chung: HĐXX không đề cập xem xét. Trong trường hợp, sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Buộc chị Lưu Thị S phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo lai thu số 0000780 ngày 14/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Vậy chị S đã nộp đủ tiền án phí.

5. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm báo cho chị S có mặt biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (30/5/2019). Đối với anh M vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì

người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- UBND xã Thạnh Yên;
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lư Quốc Thịnh